

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ ẨM THỰC QUỐC TẾ HONG DA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ ẨM THỰC QUỐC TẾ HONG DA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG DA INTERNATIONAL CULINARY MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HONG DA INTERNATIONAL CULINARY MANAGEMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301311147

**3. Ngày thành lập:** 20/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 01 đường Hoàng Văn Thái, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0942659528

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079        |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010        |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                              | 1020        |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030        |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                  | 1050        |
| 6.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632(Chính) |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620        |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631        |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                             | 7020        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110 |
| 24. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |
| 25. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                          | 8531 |
| 26. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                       | 8532 |
| 27. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 28. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 29. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                              | 4912 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                | 5221 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                               | 5222 |
| 34. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                 | 5012 |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 36. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                      | 7830 |
| 37. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 41. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 42. | Hoạt động truyền hình                                                                                                                                                   | 6021 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VÕ THỊ NHƯ PHỤNG**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *16/07/1994* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079194006529*

Ngày cấp: *25/06/2024*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *342 Đào Sư Tích Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *342 Đào Sư Tích Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Thời gian đăng từ ngày 21/11/2024 đến ngày 21/12/2024

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ THỊ NHƯ PHỤNG**

Giới tính: **Nữ**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **16/07/1994**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **079194006529**

Ngày cấp: **25/06/2024**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **342 Đào Sư Tích Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **342 Đào Sư Tích Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh**